

Số: /QĐ-SKHCN

Khánh Hòa, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng
dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 26/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ và dự toán xây dựng công trình Trung

tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-SKHCN ngày 14/9/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán công trình Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán công trình Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-SKHCN ngày 26/7/2024 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 232/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2023 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán công trình Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa - Đợt 2;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 258/2024/1239-ĐS ngày 08/11/2024 của Công ty TNHH Định giá Bến Thành - Hà Nội về việc thẩm định giá gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-SKHCN ngày 14/01/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng;

Căn cứ Công văn số 8344/UBND-XDND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh bổ sung, cắt giảm thiết bị dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-SKHCN ngày 01/8/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Khánh

Hòa;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-SKHCN ngày 21/8/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-SKHCN ngày 08/9/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh E-HSMT gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 31/2025/BCĐG-YTVN ngày 03/11/2025 của tổ chuyên gia đấu thầu thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Thiết bị Y tế Việt Nam;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu ngày 05/11/2025 của gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 05/11/2025 của gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định tại Báo cáo số 1111.1/BCTĐ-KQLCNT-BV ngày 11/11/2025 của Tổ thẩm định thuộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Bền Vững về báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng thuộc dự án: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500351006
- Tên gói thầu: Gói thầu số 13: Thiết bị khối công nghiệp ứng dụng
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 17.425.128.700 đồng
- Tên chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

T T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu VNĐ	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có), VNĐ	Giá trúng thầu, VNĐ (bao gồm VAT)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công ty Cổ phần TECOTEC Group	0101038659	17.425.108.000	17.250.856.920	17.250.856.920	120 ngày	120 ngày

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Không có.

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu: Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Bảng số 01.

Điều 2. Giao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa, Văn phòng Sở và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa, Văn phòng Sở, Giám đốc Công ty Cổ phần TECOTEC Group và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Ban QLDA PT tỉnh (p/h-VBĐT);
- Lưu: VT, Lâm.

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hoàn

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

(Thông tin được xuất từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
1	Máy tiện vạn năng độ chính xác cao	FAST TURN 530×1500	Chester	2024 trở về sau	Anh	Chester	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		650.000.000
2	Máy phay đa năng độ chính xác cao (đứng-ngang)	VH500A	Millstar	2024 trở về sau	Đài Loan	Millstar	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		1.084.054.800
3	Máy khoan đứng độ chính xác cao	GV32-SF*	Chester	2024 trở về sau	Anh	Chester	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		135.000.000
4	Máy khoan cần	FRD - T1230	Tailift	2024 trở về sau	Đài Loan	Tailift	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		325.000.000
5	Máy mài mặt phẳng	ZB1020	Chester	2024 trở về sau	Anh	Chester	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		585.000.000
6	Máy mài dụng cụ cắt đa năng	U2	Yung I	2024 trở về sau	Đài Loan	Yung I	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		150.000.000
7	Máy hàn CO2/MAG/MI G	SKYLINE ALU 4500 MIG	INE	2024 trở về sau	Ý	INE	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		387.500.000
8	Máy hàn xung TIG/MAG/AC/DC inverter	NICE-500AD	Autowel	2024 trở về sau	Hàn Quốc	Autowel	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		65.900.000
9	Máy hàn Plasma	iWave 300i AC/DC	Fronius	2024 trở về sau	Áo	Fronius	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		1.180.000.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
10	Máy cắt plasma	SKYLINE 120	INE	2024 trở về sau	Ý	INE	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		270.000.000
11	Máy cưa đứng	KV50	Chester	2024 trở về sau	Anh	Chester	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		150.000.000
12	Máy cắt đột liên hợp	IWT85	Chester	2024 trở về sau	Anh	Chester	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		595.500.000
13	Máy uốn tôn thủy lực	4R HS 40-260	Sahinler	2024 trở về sau	Thổ Nhĩ Kỳ	Sahinler	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		3.496.726.000
14	Máy uốn thép hình thủy lực	PPI-100	Seravesi	2024 trở về sau	Ý	Seravesi	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		1.604.493.200
15	Bộ cắt, hàn khí Oxy	STAR A	EWM	2024 trở về sau	Đức	EWM	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		35.000.000
16	Hệ thống máy nén khí không dầu trực vít	GA 15-8.5	ATLAS COPCO	2024 trở về sau	Trung Quốc	ATLAS COPCO	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Hệ thống	1		686.000.000
17	Bàn làm việc, thao tác	BN1578	TMK	2024 trở về sau	Việt Nam	TMK	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	3		28.900.000
18	Ê tô	3123	JTC	2024 trở về sau	Đài Loan	JTC	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	3		6.500.000
19	Bộ búa	YT-5540	YATO	2024 trở về sau	Trung Quốc	YATO	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	3		690.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
20	Bộ dũa	YT-55453	YATO	2024 trở về sau	Trung Quốc	YATO	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	3		890.000
21	Cưa sắt cầm tay	15-565-S	Stanley	2024 trở về sau	Trung Quốc	Stanley	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	3		25.000.000
22	Bàn cắt tay (kéo không)	J40	DALUSHAN	2024 trở về sau	Trung Quốc	DALUSHAN	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	5		2.800.000
23	Kềm cộng lực	14-314-S	Stanley	2024 trở về sau	Trung Quốc	Stanley	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		3.500.000
24	Bộ tairo ren ≥ 52 chi tiết	49251	Volkel	2024 trở về sau	Đức	Volkel	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		45.000.000
25	Máy mài 2 đá	GB801	Makita	2024 trở về sau	Trung Quốc	Makita	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		6.900.000
26	Máy cắt góc đa năng	LS1219L	Makita	2024 trở về sau	Trung Quốc	Makita	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		24.500.000
27	Máy mài đĩa cầm tay	DGA 404Z	Makita	2024 trở về sau	Trung Quốc	Makita	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		6.800.000
28	Máy khoan cầm tay	DHR263Z	Makita	2024 trở về sau	Trung Quốc	Makita	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		15.600.000
29	Tủ dụng cụ ≥ 7 ngăn và ≥ 211 chi tiết	YT-55290	YATO	2024 trở về sau	Trung Quốc	YATO	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		38.900.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
30	Xe đẩy	QT-04N-925	ALLY	2024 trở về sau	Việt Nam	ALLY	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	5		8.500.000
31	Công trục đẩy tay	SB0904	Ssangyong	2024 trở về sau	Hàn Quốc	Ssangyong	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		45.000.000
32	Xe nâng lắc tay ≥ 1500 kg	WBF685SS NW	XILIN	2024 trở về sau	Trung Quốc	XILIN	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		15.600.000
33	Xe nâng lắc tay ≥ 5000 kg	CBY.5.0T	NIULI	2024 trở về sau	Trung Quốc	NIULI	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		18.900.000
34	Cầu nâng 2 trụ - ≥ 4 Tấn	HL – 26K	Heshbon	2024 trở về sau	Hàn Quốc	Heshbon	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		135.000.000
35	Cầu móc	T32002-GS	Torin	2024 trở về sau	Trung Quốc	Torin	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		7.800.000
36	Máy ren răng ống	Model: BEAVER 50GAT (Mã sản phẩm: BG51AS)	Asada Beaver	2024 trở về sau	Thái Lan	Asada Beaver	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		75.000.000
37	Ê tô kẹp ống	AK-6430	Asaki	2024 trở về sau	Trung Quốc	Asaki	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		2.500.000
38	Dao cắt ống	AK-8613	Asaki	2024 trở về sau	Trung Quốc	Asaki	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		1.500.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
39	Tủ sắt	TU08H	Hòa Phát	2024 trở về sau	Việt Nam	Hòa Phát	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	5		7.500.000
40	Ổng hơi cuộn	HR-708C	Top	2024 trở về sau	Đài Loan	Top	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		2.900.000
41	Súng hơi	DG-10	Berrylion	2024 trở về sau	Trung Quốc	Berrylion	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		1.500.000
42	Máy mài khuôn	GD0810C	Makita	2024 trở về sau	Nhật Bản	Makita	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		8.500.000
43	Panme đo ngoài điện tử (Dài đo: 0 - ≥ 25 mm)	293-240-30	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		4.270.000
44	Panme đo ngoài điện tử (Dài đo: 25 - ≥ 50 mm)	293-241-30	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		4.250.000
45	Panme đo trong cơ (Dài đo: ≤ 5 - ≥ 30 mm)	145-185	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		6.500.000
46	Panme đo trong cơ (Dài đo: ≤ 25 - ≥ 50 mm)	145-186	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		6.250.000
47	Thước cặp điện tử	500-152-30	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	5		6.500.000
48	Thước cặp đo cơ (Dài đo: 0 - ≥ 200 mm)	530-123	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	5		10.500.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
49	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - $\geq$ 600 mm)	160-101	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		17.200.000
50	Thước cặp đo cơ (Dải đo: 0 - $\geq$ 1000 mm)	160-104	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		18.500.000
51	Thước đo cao điện tử	570-404	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		27.500.000
52	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - $\geq$ 10 mm)	2046A	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	3		950.000
53	Đồng hồ so (Dải đo: 0 - $\geq$ 1 mm)	2109A-10	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		1.900.000
54	Đồng hồ so đo lỗ	511-723-20	Mitutoyo	2024 trở về sau	Nhật Bản	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		6.500.000
55	Giá đỡ đồng hồ so (tù tính)	7012-10	Mitutoyo	2024 trở về sau	Trung Quốc	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	3		4.500.000
56	Giá đỡ đồng hồ so vạn năng (tù tính)	7001-10	Mitutoyo	2024 trở về sau	Trung Quốc	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		8.900.000
57	Bàn map	517-403-4	Mitutoyo	2024 trở về sau	Trung Quốc	Mitutoyo	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		18.500.000
58	Phụ kiện kèm theo TABLE STAND	GNTB6060 13	TMK	2024 trở về sau	Việt Nam	TMK	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		9.500.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
59	Thiết bị giám sát chất lượng điện năng	Mavowatt 270	Gossen Metrawatt	2024 trở về sau	Đức	Gossen Metrawatt	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		850.000.000
60	Phần mềm NI LabVIEW Professional Development System for Windows	LabVIEW Full	National Instruments (NI)	2024 trở về sau	Mỹ	National Instruments (NI)	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Phần mềm	1		59.600.000
61	Phần mềm Electrical Power Suite Full Edition	Dran-View 7 Pro (Professional)	Gossen Metrawatt	2024 trở về sau	Đức	Gossen Metrawatt	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Phần mềm	1		117.000.000
62	Ampere kìm	FLUKE-355	Fluke	2024 trở về sau	Trung Quốc	Fluke	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		45.900.000
63	Đồng hồ vạn năng	FLUKE 289FVF	Fluke	2024 trở về sau	Mỹ	Fluke	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		35.700.000
64	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại	Flir E86	Flir	2024 trở về sau	ESTONIA	Flir	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		485.000.000
65	Thiết bị phân tích khí - khối thải	IMR 2800P	IMR	2024 trở về sau	Mỹ	IMR	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		275.000.000
66	Thiết bị đo rò rỉ khí cháy	GAS-Mate	Inficon	2024 trở về sau	Trung Quốc	Inficon	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		28.500.000
67	Thiết bị đo rò rỉ môi chất lạnh	CLD-100	Elitech	2024 trở về sau	Trung Quốc	Elitech	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		5.550.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
68	Lưu lượng kế siêu âm cầm tay	PCE-TDS 100HS	PCE	2024 trở về sau	Đức	PCE	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		75.000.000
69	Thiết bị đo chân không cầm tay	Pilot plus	Inficon	2024 trở về sau	Mỹ	Inficon	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		9.570.000
70	Thiết bị đo khí CO không cầm tay	CO check	Inficon	2024 trở về sau	Mỹ	Inficon	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		9.500.000
71	Thiết bị đo nhiệt độ - độ ẩm - lưu lượng	GMH 3351	Greisinger	2024 trở về sau	Đức	Greisinger	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		25.600.000
72	Hệ thống đo độ ồn và rung động theo 3 trục	Rionote	Rion	2024 trở về sau	Nhật Bản	Rion	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Hệ thống	1		485.000.000
73	Bộ phần mềm phát triển lập trình đo âm thanh và rung động	AS-70/AS-70GV (code: AS70GV19)	Rion	2024 trở về sau	Nhật Bản	Rion	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		345.000.000
74	Phần mềm Thu thập dữ liệu rung động 3 trục trên trục động cơ và độ ồn động cơ & Máy tính xách tay	AS-70 (Code AS700009) và AS-60VMRT (Code AS60RV09)	Rion	2024 trở về sau	Nhật Bản	Rion	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		225.000.000
75	Máy đo đa năng các thông số kV, thời gian, mA, mAs, HVL,	RAYSAFE X2	RAYSAFE	2024 trở về sau	Thụy Điển	RAYSAFE	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		635.000.000

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu
	dạng sóng, liều và suất liều cho máy X-Quang thông thường, X-Quang tăng sáng, máy CT										
76	Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X-quang thường quy	Pro-Digi và Pro-RF Focalspot	Pro – Project	2024 trở về sau	Ba Lan	Pro – Project	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Bộ	1		265.000.000
77	Dụng cụ kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT	Pro CT Mk II	Pro – Project	2024 trở về sau	Ba Lan	Pro – Project	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	1		360.000.000
78	Thiết bị kiểm tra an toàn phòng máy X-quang (máy đo liều phóng xạ môi trường)	Raysafe 452	RAYSAFE	2024 trở về sau	Thụy Điển	RAYSAFE	theo bảng chào thông số kỹ thuật	Cái	2		289.267.000